52

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

HỒ SƠ YÊU CẦU

TÊN GÓI THẦU:
GÓI THẦU THUỐC GENERIC

DỰ ÁN:
MUA SẮM BỔ SUNG NĂM 2021-2022 (LẦN 5)
CỦA BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Chủ đầu tư: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

Ngày 21 tháng 12 năm 2022
Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Võ Đức Chiến

Ban hành theo quyết định số 1457/QĐ-NTP ngày 21 tháng 12 năm 2022
của Giám Đốc bệnh viện Nguyễn Tri Phương về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu
gói thầu: "Gói thầu thuốc generic"

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

HỒ SƠ YÊU CẦU

TÊN GÓI THẦU:
GÓI THẦU THUỐC GENERIC

DỰ ÁN:
MUA SẮM BỔ SUNG NĂM 2021-2022 (LẦN 5)
CỦA BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Chủ đầu tư: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Võ Đức Chiến

Ban hành theo quyết định số 1457/QĐ-NTP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Giám Đốc bệnh viện Nguyễn Tri Phương về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu: "Gói thầu thuốc generic"

MỤC LỤC

Trang

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU..... 4
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu 4
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu..... 8
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất..... 9
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu..... 14
Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP..... 27
Chương V. Phạm vi cung cấp 27
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG..... 33
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng..... 33
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng..... 38
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng..... 41
Chương IX. Sắp xếp hồ sơ đề xuất..... 44

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BV NGUYỄN TRI PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Về việc mời tham dự các gói thầu mua sắm thuốc bổ sung năm 2021-2022 (lần 5) của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

Bệnh viện Nguyễn Tri Phương đang có nhu cầu mua sắm thuốc bổ sung năm 2021-2022 phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Nay thông báo đến các công ty về việc mời thầu với các nội dung sau:

1. Tên gói thầu:
- Gói thầu thuốc generic.
- Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
- Gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu.

Loại gói thầu: Mua sắm hàng hóa
Giá gói thầu:
- Gói thầu thuốc generic: 23.827.274.710 đồng
- Gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị: 17.819.009.420 đồng
- Gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu: 158.841.000 đồng

Nội dung chính của các gói thầu: mua sắm thuốc bổ sung.
Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/04/2023.

2. Tên dự án: Mua sắm bổ sung năm 2021-2022 (lần 5) của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương.
3. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn do cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán, nguồn thu hợp pháp khác.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: **Mua sắm trực tiếp**
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
6. Thời gian phát hành HSMT: **từ 08 giờ, ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến trước 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2022**
7. Địa điểm phát hành HSYC:

Phòng Tài Chính Kế Toán - Bệnh viện Nguyễn Tri Phương
Địa chỉ: 468 nguyễn Trãi, phường 08, quận 05, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)39234349 Fax: (028)39238096

8. Giá bán 01 bộ HSYC: 1.000.000 đồng (bằng chữ: một triệu đồng chẵn).
9. Bảo đảm dự thầu: không.
10. Thời điểm đóng thầu: **08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2022**
11. Thời điểm mở thầu: **09 giờ ngày 28 tháng 12 năm 2022**

Lưu ý: bệnh viện sử dụng phần mềm chấm thầu nên sau khi mua HSYC tại phòng Tài chính kế toán, quý công ty vui lòng gửi email đến địa chỉ: khoaduocbvntp@gmail.com để được hướng dẫn chép phần mềm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2022
Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

VÕ ĐỨC CHIẾN

PHẦN I. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung của HSĐX

1. HSĐX cũng như tất cả các văn bản. tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu mua sắm trực tiếp phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh);
- Đơn đề xuất theo Mẫu số 1 Chương IV;
- Trong trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền (Mẫu số 2 Chương IV) phải thực hiện theo hướng dẫn của Hồ sơ yêu cầu và trong trường hợp này vẫn phải sử dụng pháp nhân (tên và năng lực. kinh nghiệm) của tổ chức mà người ủy quyền là đại diện theo pháp luật để tham gia đấu thầu. Thí dụ: Giám đốc công ty ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh theo giấy ủy quyền có công chứng. Giám đốc chi nhánh được ký đơn đề xuất. hợp đồng...và đóng dấu chi nhánh nhưng đứng tên các tài liệu này vẫn phải là Công ty và những tài liệu về năng lực kinh nghiệm của nhà thầu cũng phải là của Công ty.
- Văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương IV trong trường hợp liên danh (nếu có);
- Bảng chào giá theo Mẫu số 4 Chương IV;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của sản phẩm dự thầu:
    - Nhà thầu liệt kê đầy đủ các thông tin về tên mặt hàng thuốc tham dự thầu: số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý dược cấp và các thông tin khác có liên quan tại Bảng chào giá (theo mẫu số 4). Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý dược.
    - Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y Tế cấp phải còn hiệu lực. Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh thuốc được sản xuất (đối với thuốc sản xuất tại Việt Nam) hoặc nhập khẩu (đối với thuốc nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam) trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu như bổ sung thẻ kho thể hiện xuất nhập tồn mặt hàng thuốc dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng.
    - Tài liệu chứng minh kết quả trúng thầu của mặt hàng thuốc theo Thông tư 15/2019/TT-BYT gồm: quyết định trúng thầu (không bắt buộc), thông báo trúng thầu (bắt buộc), hợp đồng cung ứng với cơ sở y tế (bắt buộc, các

trường hợp khác do Chủ đầu tư xem xét). Kết quả trúng thầu được sử dụng để áp thầu phải có hiệu lực tối thiểu từ tháng 12/2021.

Mục 2. Đơn đề xuất

Đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương IV. có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương IV).

Mục 3. Giá dự thầu

Giá dự thầu là giá bán cho bệnh viện do nhà thầu nêu trong Hồ sơ đề xuất sau khi trừ phần giảm giá (nếu có) bao gồm thuế VAT và các chi phí khác (bao bì, vận chuyển, bảo hiểm ...) được tính bằng đồng tiền Việt Nam. Đơn giá trong Hồ sơ đề xuất không vượt quá đơn giá đã trúng thầu tại đơn vị mà bệnh viện sử dụng kết quả để áp thầu.

Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.

Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Chương IV; và phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Trong biểu giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau:

- Giá bán cho bệnh viện bao gồm thuế VAT và các chi phí khác (bao bì. vận chuyển. bảo hiểm ...);
- Giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại còn hiệu lực.

Mục 4. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐX (60 ngày kể từ ngày 28/12/2022).

Mục 5. Chuẩn bị và nộp HSĐX

1. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, biểu giá, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

Số lượng HSĐX phải nộp:

- 01 bản gốc; và
- 01 bản chụp

Mỗi bộ hồ sơ được bỏ vào 01 phong bì dán kín ghi rõ ngoài phong bì "bản gốc", "bản chụp" và tất cả thông tin được nêu ở mục này. Các phong bì này phải có đóng dấu niêm

phong. và 02 phong bì có niêm phong này được bỏ chung vào 01 phong bì lớn dán kín và có đóng dấu niêm phong.

Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSĐX:

Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSĐX:

- Tên, địa chỉ. điện thoại của nhà thầu: _____
- Địa chỉ nộp HSĐX (tên, địa chỉ của bên mời thầu):
  - Bệnh viện Nguyễn Tri Phương
  - Địa chỉ: 468 Nguyễn Trãi, phường 08, quận 05, TP Hồ Chí Minh.
- Tên gói thầu: **Gói thầu thuốc generic**
- Hình thức: Mua sắm trực tiếp

Trường hợp sửa đổi HSĐX. ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ đề xuất sửa đổi "

2. Nhà thầu nộp HSĐX đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp đến bên mời thầu trước 08 giờ 30 ngày 28 /12/2022

HSĐX của nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSĐX là không hợp lệ và bị loại.

Mục 6. Làm rõ HSĐX

1. Trong quá trình đánh giá HSĐX. bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSĐX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSĐX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ HSĐX được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSĐX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 7. Đánh giá các HSĐX

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐX. bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu);

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có);

c) Hiệu lực của HSĐX theo quy định tại Mục 7 Phần này.

HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về năng lực kinh nghiệm:

Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm mục 2 Chương III nêu trong HSYC đối với các HSĐX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chí theo tiêu chí "đạt", "không đạt". HSĐX vượt qua bước đánh giá về năng lực kinh nghiệm khi tất cả yêu cầu về năng lực kinh nghiệm đều được đánh giá là "đạt".

Đối với các HSĐX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ và năng lực kinh nghiệm sẽ được tiếp tục đánh giá về kỹ thuật.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Bên mời thầu sẽ đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật mục 3 Chương III nêu trong HSYC. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí "đạt", "không đạt". HSĐX đánh giá " Đạt" về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

Mục 8. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSĐX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;

- Đúng thành phần hoạt chất, tên thương mại, hàm lượng, dạng bào chế;

- Có đơn giá tham dự thầu thấp nhất. đồng thời thỏa các yêu cầu sau:
  + Không vượt quá giá kế hoạch được SYT phê duyệt;
  + Không vượt quá giá kê khai/ kê khai lại với Cục QLD.

- Có thông báo trúng thầu, hợp đồng đã ký với đơn vị mà Bệnh viện Nguyễn Tri Phương sử dụng để áp thầu.

Mục 9. Thương thảo hợp đồng

Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSĐX;

b) HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu;

c) HSYC.

Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC;

Mục 10. Thông báo kết quả

Bên mời thầu thông báo kết quả trúng thầu bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp HSĐX sau khi có quyết định phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp.

Mục 11. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Bên mời thầu tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

Mục 12. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia dự thầu khi thấy quyền. lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Luật Đấu thầu và Nghị định 63.

2. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, nhà thầu sẽ phải nộp một khoản chi phí là 2.000.000 đồng

cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu:

BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Địa chỉ : 468 Nguyễn Trãi. phường 08. quận 05. TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)39234349

Mục 13. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 63 và các quy định pháp luật khác liên quan.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

Bên mời thầu: BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG mời các nhà thầu tham gia dự thầu gói thầu "Gói thầu thuốc generic"

Hình thức: Mua sắm trực tiếp.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

+ Phạm vi cung cấp: tổng giá trị

Bằng số: **23.827.274.710 đồng**

Bằng chữ: ***Hai mươi ba tỉ tám trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm mười đồng***

+ Gói thầu gồm có 90 khoản. Nhà thầu có thể tham gia một hoặc nhiều khoản trong gói thầu.

Xem danh mục Gói thầu thuốc Generic (chương V – Yêu cầu cung cấp).

Mục 3. Thời hạn cung cấp hàng hóa: cho đến hết ngày 30/04/2023.

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Chương này bao gồm TCĐG về năng lực kinh nghiệm và TCĐG về mặt kỹ thuật.

Mục 1. TCĐG về năng lực kinh nghiệm

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM NHÀ THẦU

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	**Năng lực tài chính**						
1.1	**Kết quả hoạt động tài chính**	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2020 hoặc năm 2021 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm 2020 hoặc 2021 phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09

1.2	**Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc**	Doanh thu trong năm 2020 hoặc năm 2021 tối thiểu là 1,5 x giá của phần trong gói thầu[1].	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 07
1.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu[4]**	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao[2] hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 0,2 x giá trị của phần gói thầu mà nhà thầu tham dự *[ghi số tiền]*[3]	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Các Mẫu số 8, 9
2	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự**	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự[4] theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[5] trong năm 2020 hoặc năm 2021: tối thiểu 01 hợp đồng tương tự.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 06

Ghi chú:

Bản chụp phải có dấu sao y bản chính của nhà thầu hoặc phải có công chính của phòng công chính hoặc có chứng thực của UBND phường/ xã, quận/ huyện, phòng tư pháp/ sở tư pháp

(1) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu năm:

a) Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu năm = (Giá của phần trong gói thầu/ thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá của phần trong gói thầu x k

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

Giá từng phần trong gói thầu dựa trên **giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu của từng phần trong gói thầu đã được phê duyệt**. Đơn vị tổ chức đấu thầu phải tiến hành công bố giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu của từng phần trong gói thầu.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(3) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá trị của phần gói thầu mà nhà thầu tham dự).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là từ 0,2 đến 0,3. Giá trị của phần gói thầu được tính dựa trên **giá kế hoạch đã được phê duyệt.**

(4) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự.

Hợp đồng cung cấp thuốc tương tự bao gồm các hợp đồng cung cấp hoặc hóa đơn bán hàng kèm theo danh mục thuốc được cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu dự kiến tham dự.

Tương tự về quy mô: có tổng giá trị các hợp đồng trong năm đã thực hiện bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của các phần trong gói thầu nhà thầu tham dự.

Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của các phần trong gói thầu nhà thầu tham dự.

(5) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Mục 2. TCĐG về mặt kỹ thuật

Sử dụng phương pháp đánh giá "đạt", "không đạt" theo các tiêu chuẩn đánh giá như sau:

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Tên hoạt chất, tên thương mại	Tên hoạt chất, tên thương mại tham dự thầu phù hợp HSYC và quyết định trúng thầu dùng để áp thầu		
2	Nồng độ - Hàm lượng	Nồng độ - Hàm lượng tham dự thầu phù hợp HSYC và quyết định trúng thầu dùng để áp thầu		
3	Đường dùng, dạng bào chế	Đường dùng, dạng bào chế tham dự thầu phù hợp HSYC và quyết định trúng thầu dùng để áp thầu		
4	Giá dự thầu	Không vượt giá kế hoạch trong HSYC và giá trúng thầu trong quyết định dùng để áp thầu		
5	Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Còn hiệu lực tính đến ngày mở thầu. Nếu giấy phép hết hiệu lực thì yêu cầu chứng minh: 1/ Tồn kho đủ cung ứng (chứng minh bằng thẻ kho) 2/ Hạn dùng của tồn kho tối thiểu đến hết tháng 04/2023 (chứng minh bằng hình chụp hàng mẫu)		
6	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật trong quyết định trúng thầu phù hợp HSYC (Theo thông tư 15/2019/TT-BYT)		
7	Quyết định/ thông báo trúng thầu	Còn hiệu lực áp thầu (tối thiểu từ tháng 12/2021)		

Hàng hóa được coi là vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về mặt kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt". Bên mời thầu so sánh giá chào của các báo giá đáp ứng về mặt kỹ thuật để xác định báo giá có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu sẽ được đề nghị lựa chọn.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 1

ĐƠN DỰ THẦU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....tháng.....năm 2022

Gói thầu: GÓI THẦU THUỐC GENERIC.

Dự án : MUA SẮM THUỐC BỔ SUNG NĂM 2021-2022 (LẦN 5) CỦA BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Kính gửi: BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [TÊN CÔNG TY], cam kết thực hiện gói thầu Gói thầu thuốc Generic theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [SỐ TIỀN] VND (số tiền bằng chữ) cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là đến hết 30/4/2023

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bệnh viện.
Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) (1)

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 chương này. Trường hợp tại Điều lệ công ty. Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản. tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 chương này). Trước khi ký kết hợp đồng. nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản. tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 13 Chương I của HSYC này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay. ngày ____ tháng ____ năm ____. tại ____

Tôi là____ *[Ghi tên. số CMND hoặc số hộ chiếu. chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu].* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[Ghi tên. số CMND hoặc số hộ chiếu. chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[Ghi tên dự án]* do____ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản. tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia mua sắm trực tiếp. kể cả văn bản giải trình. làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo. hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. người ủy quyền giữ ____ bản. người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu (nếu có)]	***[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu. chức danh. ký tên và đóng dấu]***

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất theo quy định tại Mục 2 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó. cấp dưới. giám đốc chi nhánh. người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định. bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia mua sắm trực tiếp.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH [1]

_____. ngày _ tháng _ năm _____

Gói thầu: *[Ghi tên gói thầu]*

- Căn cứ [2]_____*[Luật Đấu thầu số 43/2013/QH11 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

- Căn cứ[2]_____ *[Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/ 6/2009 của Quốc hội];*

- Căn cứ[2]_____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Dược và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*

- Căn cứ Hồ sơ yêu cầu của gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* ngày ___ tháng ____ năm ____ *[ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi. đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh. gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày_____tháng____năm_____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói thầu này. Trường hợp trúng thầu. không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp

---

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác ____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh. đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [(2)]:

- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản. tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia mua sắm trực tiếp. kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình. làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo. hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phần công việc. trách nhiệm của từng thành viên. kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm. nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy kết quả gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____bản. mỗi bên giữ ____ bản. các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên. chức danh. ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[(2)] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

Tên nhà thầu : ……..

Địa chỉ:.....

BẢNG CHÀO GIÁ

Tên gói thầu:.....

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán buôn kê khai (đ)	Giá dự thầu (đ)	Số lượng	Thành tiền	Quyết định trúng thầu (Số quyết định)	Nơi trúng thầu	Ngày quyết định (trên QĐ trúng thầu)	Số lượng đã trúng thầu
Nhóm...																	

Tổng số sản phẩm dự thầu:

Tổng giá trị dự thầu:

Bằng chữ:

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên. chức danh. ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Nhóm: nhóm biệt dược, 1, 2, 3, 4, 5 theo phân nhóm Thông tư 15/2019/TT-BYT.

Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên. ống. lọ. tuýp. gói. chai. ...).

Giá kê khai, giá dự thầu: bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí khác (bao bì, vận chuyển, bảo hiểm ...) được tính bằng đồng tiền Việt Nam

SĐK hoặc GPNK: Ghi rõ số đăng ký của thuốc hoặc Giấy phép nhập khẩu (đối với thuốc chưa có số đăng ký).

Số quyết định trúng thầu: ghi đúng số quyết định. Vd: 1234/QĐ-SYT.

Ngày quyết định: ghi theo định dạng dd/mm/yyyy. Vd: 01/12/2021.

Lưu ý:

Kết quả trúng thầu sử dụng để áp thầu từ 12/2021 đến nay, theo thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

Mẫu số 5

Công ty.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BẢNG CAM KẾT

Kính gửi: BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Theo thông báo mời thầu của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương về việc tổ chức mua sắm trực tiếp gói thầu. **Gói thầu thuốc generic.** Chúng tôi..... (điền tên nhà thầu) gửi đến quý Bệnh viện bảng cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản dưới đây:

1. VỀ TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG

- Cam kết cung ứng đủ hàng hóa.
- Giao hàng đúng số lượng yêu cầu theo từng đợt đặt hàng của bệnh viện
- Giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ lúc có đơn đặt hàng của bệnh viện.

2. VỀ GIÁ CẢ

- Cam kết không vượt quá giá kê khai/ kê khai lại với Cục QLD.
- Cam kết giữ giá ổn định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Đối với các mặt hàng thuốc có kết quả đàm phán giá quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, giá thuốc cung ứng cho cơ sở y tế sẽ thực hiện điều chỉnh căn cứ trên nguyên tắc giá thuốc cung ứng không được vượt giá thuốc trúng thầu thông qua đàm phán giá và đấu thầu tập trung cấp quốc gia kể từ ngày các gói thầu trên có hiệu lực.

3. VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

- Đảm bảo đúng chất lượng hàng hoá như hồ sơ đăng ký thuốc và hàng mẫu đã được xét thầu. Nếu có sự sai khác hoặc chất lượng thuốc không bảo đảm bệnh viện sẽ báo cáo Sở y tế và trả hàng cho công ty.
- Hàng hóa được giao nhận phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Thuốc giao cho khoa Dược có hạn sử dụng tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm
- Cam kết thu hồi hàng trong trường hợp hàng đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

4. VỀ THANH TOÁN:

- Đồng ý thời gian thanh toán: trong vòng 120 ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi rõ tên. chức danh. ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN[1]

__, ngày _____ tháng _____ năm _____

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	*[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]*	*[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương____ VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III[2]			
1. Loại thuốc	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị	*[ghi số tiền bằng VND]*		
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó **(xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).**

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 07

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU [1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho năm _____[2] [VND]

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản	
Tổng nợ	
Giá trị tài sản ròng	
Tài sản ngắn hạn	
Nợ ngắn hạn	
Vốn lưu động	

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc[3]	
Lợi nhuận trước thuế	
Lợi nhuận sau thuế	
Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính **(các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh)** năm 2020 hoặc năm 2021, tuân thủ các điều kiện sau: 1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công	

ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. **Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:**

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai

- Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Năm 2020 hoặc năm 2021.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Mẫu số 08

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH[1]

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao[2], các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu số 9.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	**Nguồn tài chính**	**Số tiền (VND)**
1		
2		
3		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

NLTC = TNL - ĐTH

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (quy định tại Mẫu số 9).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 1.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Trường hợp trong HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói thầu đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT trong suốt thời gian thực

hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 9.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

Mẫu số 09

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN[1]

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A)[2]	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B)[3]	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH).						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành trong viên liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành trong viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

PHẦN II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

CHƯƠNG V. PHẠM VI CUNG CẤP

Tên gói thầu: "Gói thầu thuốc Generic"

- Giá gói thầu:
  Bằng số: **23.827.274.710 đồng.**
  Bằng chữ: ***Hai mươi ba tỉ tám trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm mười đồng***

Gói thầu gồm có 90 khoản.

Nhà thầu có thể tham gia một, nhiều hoặc tất cả các khoản của gói thầu mà nhà thầu có khả năng cung cấp.

Nhóm thuốc trong danh mục được phân chia theo Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và thông tư 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

Dạng bào chế trong danh mục được xây dựng theo Thông tư 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

Danh mục hàng hóa yêu cầu cung cấp

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	Acid amin + glucose + lipid (+ điện giải)	10% + 13% + 20%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Túi/chai	Túi/chai 1206ml	NHÓM 1	720,000	100	72,000,000
2	Amlodipin + Atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	3,550	380,000	1,349,000,000
3	Amlodipin + Telmisartan	5mg+80mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	13,122	10,000	131,220,000
4	Amoxicilin + Acid clavulanic	(250mg + 62,5mg)/5ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ	Chai/lọ 60ml	NHÓM 1	83,000	70	5,810,000
5	Bacillus subtilis	10^7-10^8 CFU	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	1,500	60,000	90,000,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
6	Betamethason	0,05%	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Tuýp 30g	NHÓM 2	61,500	2,200	135,300,000
7	Bisoprolol fumarat	2,5mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 3	308	160,000	49,280,000
8	Calci folinat	100mg acid folinic	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 4	36,180	550	19,899,000
9	Calci folinat	50mg acid folinic	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 4	21,270	1,200	25,524,000
10	Capecitabin	500mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	38,000	12,000	456,000,000
11	Carbomer	0,2%	Nhỏ Mắt	Thuốc nhỏ mắt	Tuýp	Tuýp 10g	NHÓM 1	56,000	60	3,360,000
12	Cefaclor	500mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	8,000	30,000	240,000,000
13	Cefamandol	2g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 4	88,000	1,500	132,000,000
14	Cefazolin	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	8,000	10,000	80,000,000
15	Cefdinir	250mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên		NHÓM 4	9,996	25,000	249,900,000
16	Cefoperazon + Sulbactam	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 1	186,000	2,000	372,000,000
17	Ceftolozan + Tazobactam	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 1	1,631,000	100	163,100,000
18	Ceftriaxon	2g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 1	61,800	12,000	741,600,000
19	Cilnidipin	10mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	5,800	31,000	179,800,000
20	Cilnidipin	5 mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	3,500	15,000	52,500,000
21	Citicolin	250mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	Lọ/ống 2ml	NHÓM 1	50,883	2,000	101,766,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
22	Clotrimazol	0,5mg/ml	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Chai/lọ 100ml	NHÓM 4	68,000	1,500	102,000,000
23	Colchicin	1mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	5,200	25,000	130,000,000
24	Colistin	2MUI	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	450,000	1,400	630,000,000
25	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	16,000	15,000	240,000,000
26	Desloratadin	5mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	539	40,000	21,560,000
27	Doripenem	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 5	580,000	4,000	2,320,000,000
28	Fluticason propionat	50mcg/liều	Nhỏ Mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/chai/lọ	Bình/Chai/Lọ xịt 60 liều	NHÓM 4	96,000	2,000	192,000,000
29	Goserelin	3,6 mg	Tiêm	Thuốc implant (đặt dưới da)/Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm Tiêm		NHÓM 1	2,568,297	30	77,048,910
30	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	300U/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm/Bút tiêm	Bơm tiêm/bút tiêm 1,5ml	NHÓM 1	415,000	1,000	415,000,000
31	Insulin tác dụng nhanh, ngắn	100UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút Tiêm	Bút tiêm 3ml	NHÓM 1	200,000	200	40,000,000
32	Ivabradin	5mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	2,790	30,000	83,700,000
33	Kali iodid + Natri iodid	(3mg + 3mg)/1ml	Nhỏ Mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 10ml	NHÓM 2	28,980	1,400	40,572,000
34	Ketoprofen	2,5%	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Tuýp 30g	NHÓM 1	47,500	2,000	95,000,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
35	Lansoprazol	30mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	9,450	50,000	472,500,000
36	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	5,350	15,000	80,250,000
37	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	1,650	30,000	49,500,000
38	Levodopa + Carbidopa anhydrous	250mg +25mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 5	3,150	50,000	157,500,000
39	Levofloxacin	0,5%	Nhỏ Mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 5ml	NHÓM 4	10,080	2,000	20,160,000
40	Linezolid	600mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	8,900	1,500	13,350,000
41	Linezolid	600mg/300ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 1	719,000	2,000	1,438,000,000
42	Linezolid	600mg/300ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 2	350,000	4,000	1,400,000,000
43	Linezolid	600mg/300ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	195,000	4,000	780,000,000
44	Losartan	100mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 3	4,200	80,000	336,000,000
45	Losartan	50mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 3	699	300,000	209,700,000
46	Metformin hydroclorid + Sitagliptin	1000mg + 50mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 3	9,000	260,000	2,340,000,000
47	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	199	140,000	27,860,000
48	N-acetylcystein	300mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 1	42,000	800	33,600,000
49	Natri clorid	3%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống	Chai/lọ/túi/ống 100ml	NHÓM 4	8,190	3,800	31,122,000
50	Natri clorid + Natri citrat + Kali clorid + Glucose khan	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói		NHÓM 4	893	5,000	4,465,000
51	Nebivolol	5mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	7,600	60,000	456,000,000
52	Nefopam hydroclorid	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 1	33,000	5,000	165,000,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
53	Neomycin + Polymyxin B + Dexamethason	35mg + 100.000UI + 10mg	Nhỏ Mắt, Nhỏ Tai	Thuốc nhỏ mắt, Thuốc nhỏ tai	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 10ml	NHÓM 4	37,000	280	10,360,000
54	Nhũ dịch lipid	20%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống	Chai/lọ/túi/ống 100ml	NHÓM 1	98,000	2,000	196,000,000
55	Nhũ dịch lipid	20%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống	Chai/lọ/túi/ống 250ml	NHÓM 1	145,000	800	116,000,000
56	Nicorandil	5mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	3,400	40,000	136,000,000
57	Octreotid	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	Lọ/ống/chai/túi 1ml	NHÓM 2	84,000	800	67,200,000
58	Oseltamivir	75mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	44,877	1,000	44,877,000
59	Oxaliplatin	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	244,650	1,000	244,650,000
60	Oxcarbazepin	300mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	8,064	4,000	32,256,000
61	Oxcarbazepin	300mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	3,097	8,000	24,776,000
62	Pantoprazol	20mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	6,150	80,000	492,000,000
63	Paracetamol + Codein phosphat	500mg + 30mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	3,100	40,000	124,000,000
64	Polyethylen glycol + Propylen glycol	0,4% + 0,3%	Nhỏ Mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 5ml	NHÓM 1	60,099	1,100	66,108,900
65	Povidon Iodin	10%	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Chai/Lọ 500ml	NHÓM 4	35,714	1,000	35,714,000
66	Progesteron	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 1	18,900	200	3,780,000
67	Quetiapin	200mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	5,400	9,000	48,600,000
68	Rabeprazol	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 2	112,000	3,000	336,000,000
69	Saccharomyces boulardii	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói		NHÓM 1	5,500	18,000	99,000,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
70	Saccharomyces boulardii	2,26 x 10^9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói		NHÓM 4	3,591	32,000	114,912,000
71	Sacubitril + Valsartan	24,3mg + 25,7mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	20,000	420	8,400,000
72	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + Acid folic	100mg Fe + 1mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/gói		NHÓM 4	6,783	18,000	122,094,000
73	Simethicon	40mg/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	Chai/lọ 30 ml	NHÓM 1	53,300	300	15,990,000
74	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	219	16,000	3,504,000
75	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	12,000	20,000	240,000,000
76	Tenoxicam	20mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 1	7,480	13,000	97,240,000
77	Ticarcilin + acid clavulanic	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	96,999	3,000	290,997,000
78	Ursodeoxycholic acid	300mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	2,750	35,000	96,250,000
79	Vắc xin phòng cúm mùa (4 chủng) (dành cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên)	15mcg HA/chủng/0,5 ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều		NHÓM 1	270,000	600	162,000,000
80	Vắc xin phòng Não mô cầu (nhóm A; nhóm C; nhóm Y; nhóm W-135)	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều		NHÓM 5	1,050,000	400	420,000,000

STT	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm thuốc	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
81	Valproat natri	400mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi		NHÓM 1	121,429	1,800	218,572,200
82	Valproat natri	500mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	2,500	50,000	125,000,000
83	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 3	1,800	90,000	162,000,000
84	Vancomycin	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	31,000	2,800	86,800,000
85	Vancomycin	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống		NHÓM 4	16,300	12,000	195,600,000
86	Venlafaxin	75mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 2	6,400	15,000	96,000,000
87	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 125mcg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	260	120,000	31,200,000
88	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	690	200,000	138,000,000
89	Vitamin E	400UI	Uống	Viên	Viên		NHÓM 4	450	100,000	45,000,000
90	Zoledronic acid	5mg/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống	Chai/lọ/túi/ống 100ml	NHÓM 1	6,761,489	300	2,028,446,700
Tổng cộng: 90 khoản										**23,827,274,710**

TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

- **Tiến độ cung cấp**: Giao thuốc đúng số lượng yêu cầu theo từng đợt đặt hàng của bệnh viện. và giao trong vòng 24 giờ kể từ lúc có đơn đặt hàng của bệnh viện.
- **Địa điểm cung cấp**: Giao hàng tại kho thuốc của Khoa Dược – Bệnh viện Nguyễn Tri Phương.
- **Yêu cầu về chất lượng:** Thuốc do nhà thầu cung cấp phải được kiểm tra theo tiêu chuẩn của HSYC và được thực hiện tại kho của Khoa Dược - Bệnh viện Nguyễn Tri Phương trước khi nhập kho. Thuốc không đạt yêu cầu qua kiểm tra sẽ không nhập kho và được trả về cho nhà thầu. Thuốc phải được đóng gói. bao bì còn niêm phong cẩn thận khi giao nhận. Hàng hóa được giao nhận phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Thuốc giao cho khoa Dược có hạn sử dụng tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
- **Lưu ý: Hóa đơn phải ghi đầy đủ lô sản xuất, hạn sử dụng.**

CÁC YÊU CẦU KHÁC

Cam kết theo mẫu số 5.

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSĐX được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng"là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà thầu; 2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể uỷ quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia

	nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSĐX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSĐX. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT.** 12.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

	12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI – Phạm vi cung cấp;

19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốcquy định tại **ĐKCT.**
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự

	kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 26.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái

	cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương;
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].*
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Kho chẵn khoa Dược – Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, số 468 Nguyễn Trãi phường 8 quận 5 TP. Hồ Chí Minh
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; 3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 4. Bảo lãnh hợp đồng; 5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 6. Điều kiện chung của hợp đồng; 7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
ĐKC 4	Chủ đầu tư **không thể** ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, số 468 Nguyễn Trãi phường 8 quận 5 TP. Hồ Chí Minh Số điện thoại: (028) 39234349 – (028) 39234332 Số fax: (028) 39238096
ĐKC 6.1	Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 17(a) và Mẫu số 17(b) Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng) - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **5% trên giá trị hợp đồng**. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với chủ đầu tư là trước khi ký kết hợp đồng và trong thời hạn **tối đa là 10 ngày** kể từ ngày nhận được thông báo

	trúng thầu. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến sau **30 ngày** kể từ ngày hết hiệu lực của hợp đồng.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: tối đa là **30 ngày** ngay sau khi Biên bản thanh lý hợp đồng với nhà thầu được ký kết.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: *không áp dụng.*
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: *không áp dụng*
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: **30 ngày** kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Khi phát sinh tranh chấp, bên yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi văn bản đề nghị giải quyết tranh chấp. Thời gian giải quyết tranh chấp là **30 ngày** kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, nếu trong thời gian này hai bên không thỏa thuận được thì một trong các bên gửi đơn khiếu kiện giải quyết tranh chấp ra Tòa án Kinh tế - Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết, chi phí do bên có lỗi chịu.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn thuốc, Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng theo quy định, Biên bản giao nhận. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: trọn gói.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng:___*[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].*
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: **Không áp dụng**
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: **không được phép**

ĐKC 15.1	- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. - Điều kiện thanh toán: Thuốc y tế được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. - Thời hạn thanh toán trong vòng 120 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật. Bao gồm: hóa đơn, biên bản nghiệm thu, giấy ủy quyền đúng mẫu và các chứng từ khác theo qui định pháp luật.
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: - Thuốc y tế phải được đóng gói, bao bì cẩn thận trước khi giao hàng; - Cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về thuốc y tế ghi trên bao kiện đóng gói, đảm bảo chất lượng thuốc, tránh nhầm lẫn, mất mát, hỏng vỡ, hư hao.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có thể mua bảo hiểm thuốc y tế cung cấp theo hợp đồng bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để được bảo hiểm đầy đủ, bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng.
ĐKC 21	Yêu cầu về vận chuyển thuốc: - Thuốc y tế phải được giao tại kho của khoa Dược. - Các yêu cầu khác: thuốc phải được bảo quản ở điều kiện nhiệt độ đúng như yêu cầu của nhà sản xuất và các quy định pháp luật đối với từng loại thuốc.
ĐKC 22.1	Kiểm tra thuốc: Tất cả các mặt hàng thuốc y tế do nhà thầu cung cấp theo hợp đồng mua bán thuốc với bệnh viện phải được kiểm tra trước khi nhập kho các đặc điểm sau: + Cảm quan + Lô, hạn dùng + Số đăng ký + Các đặc tính kỹ thuật khác + Điều kiện bảo quản trong lúc vận chuyển
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ. Mức khấu trừ tối đa: 8%
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: **không yêu cầu**
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng:

	- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: + Chủ đầu tư hoặc bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh; + Nhà thầu phải tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc bên mua **trong vòng 24 giờ** ; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc.
ĐKC 26.1 (d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trong trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình đấu thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu, Chủ đầu tư có thể xem xét để nhà thầu thay thế thuốc, cụ thể: - Thay đổi số đăng ký do thực hiện thủ tục đăng ký lại hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi (tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc dự thầu). - Thay đổi liên quan đến tên thuốc, tên nhà máy sản xuất, quy cách đóng gói trong quá trình lưu hành có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước, nhưng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi. Trong trường hợp thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản sao (có dấu xác nhận của nhà thầu) Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có), mẫu nhãn hoặc Tờ hướng dẫn sử dụng có dấu xác nhận của cơ quan cấp phép và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc dự thầu, thuốc đề xuất thay thế. *Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại Khoản 6 Điều 37 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019.* 2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bộ Y tế hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố: - Kết quả đàm phán giá thuốc đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc đàm

	phán giá do Bộ Y tế thực hiện. - Kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp quốc gia đối với danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Bộ Y tế (Trung tâm mua sắm thuốc tập trung quốc gia) hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện. Nếu giá trúng thầu đang thực hiện hợp đồng cao hơn giá thuốc đàm phán giá hoặc giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia đối với các thuốc tương tự (cùng hoạt chất/tên thương mại, hàm lượng, dạng bào chế, phân nhóm kỹ thuật...) thì nhà thầu phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không cao hơn giá các thuốc này. 3. Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế cao hơn so với số lượng trúng thầu trong hợp đồng: áp dụng theo Khoản 12 Điều 41 Thông tư 15/2019/TT-BYT. 4. Các trường hợp cần hiệu chỉnh, bổ sung khác (nếu có)
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: **Không áp dụng**
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: **Không áp dụng.**

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 10

HỢP ĐỒNG [1]

(Văn bản hợp đồng cung cấp hàng hóa)

____. ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ *Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;*

- Căn cứ *Luật Đấu thầu số* 43/2013/QH13 *ngày 26/11/2013 của Quốc hội;*

- Căn cứ *Nghị định số* 63/2014/NĐ-CP *ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành ; một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

- Căn cứ Quyết định trúng thầu số ------ ngày tháng năm về KQĐT của bệnh viện ….. và thông báo trúng thầu số ngày tháng năm của bệnh viện.

- Căn cứ biên bản thương thảo. hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

Chúng tôi. đại diện cho các bên ký hợp đồng. gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____ Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____ Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Số lượng mua sẽ tùy thuộc theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện hoặc ngưng mua khi có kết quả từ trung tâm mua sắm.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo. hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu bổ sung HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này. đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[ghi rõ giá trị bằng số. bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng.*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức chuyển khoản 100%.

Thời gian thanh toán: **120 ngày** sau khi hoàn tất đầy đủ các giấy tờ yêu cầu.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2023.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi hai bên ký hợp đồng
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ. chủ đầu tư giữ 04 bộ. nhà thầu giữ 02 bộ. các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU *[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 11

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

_____. ngày ____ tháng ___ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]* và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa _____ *[mô tả hàng hóa]* cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); [2]

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu *(hoặc hợp đồng).* nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi. _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng [3]]* (sau đây gọi là "ngân hàng"). xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là ____ *[Ghi rõ số tiền bằng số. bằng chữ và đồng tiền sử dụng].* Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện. không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên. khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ___ tháng ___ năm ____.[4]

	Đại diện hợp pháp của ngân hàng *[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh. thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét. quyết định. Trong trường hợp này. đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của _____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số _____ *[Ghi số hợp đồng]* ngày ___ tháng ___ năm ____ về việc cung cấp ____ *[mô tả hàng hóa]* (sau đây gọi là hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ. số điện thoại. số fax. e-mail.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 5 **ĐKCT**

CHƯƠNG IX. SẮP XẾP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Hồ sơ đề xuất được sắp xếp theo thứ tự sau đây :

1. Đơn đề xuất (Mẫu số 1)

+ Giấy ủy quyền (nếu có) (Mẫu số 2) kèm theo bản sao điều lệ công ty, QĐ thành lập chi nhánh, QĐ bổ nhiệm.

+ Thỏa thuận liên danh (nếu có) (Mẫu số 3)

2. Bảng chào giá thuốc (Mẫu số 4)

3. Bảng cam kết của nhà thầu (Mẫu số 5)

4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ nhà thầu :

a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (1 bản).

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (1 bản).

<u>Lưu ý</u>: Các bản sao phải có chứng thực sao y không quá 6 tháng.

5. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhà thầu

6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và phù hợp của hàng hóa

Lưu ý Quyết định trúng thầu (nếu có), Thông báo trúng thầu, Hợp đồng nhà thầu ký kết với đơn vị trúng thầu mà bệnh viện Nguyễn Tri Phương áp giá nộp mỗi thứ 2 bản:

- 1 bản sao y công chứng đóng chung với hồ sơ đề xuất bản gốc;
- 1 bản photo đóng chung với hồ sơ đề xuất bản phụ.